

Bản án số: 17/2021/HSST

Ngày 28/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG – TỈNH HUNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Quyết Thắng

+ Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/5/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/HSST ngày 15/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QDXXST-HS ngày 14/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Chu Tiến V sinh năm: 1985

STQ: Thôn KN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do

Bố: Chu Văn M, sinh năm: 1960 (đã chết)

Mẹ: Chu Thị T(tên gọi khác: Tấn), sinh năm: 1960

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn

Vợ: Lê Thị G, sinh năm: 1987

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân:

Ngày 22/6/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến năm 2012 chấp hành xong bản án.

Ngày 14/12/2016, bị Công an huyện Văn Giang xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 20/12/2016.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1984

STQ: Ấp ĐP, xã TT, huyện VG, tỉnh HY

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Tự do

Bố: Nguyễn Xuân C1, sinh năm: 1958

Mẹ: Đào Thị H, sinh năm: 1958

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Vợ: Phan Thị Thúy H, sinh năm: 1988

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1983

STQ: Thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do

Bố: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1959

Mẹ: Nguyễn Thị A, sinh năm: 1957

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất

Vợ: Đào Hồng A, sinh năm: 1987

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân: Ngày 10/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 29/8/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo Lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phạm Xuân T, sinh năm: 1957

Trú tại: Thôn SĐ, xã LH, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Hồng A, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn ĐN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

Người làm chứng: Anh Chu Xuân D, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn KN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY.

** Tại phiên tòa, có mặt: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị A; vắng mặt: Bị hại anh T, người làm chứng anh D.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 04/01/2021, Chu Tiến V thường trú tại thôn KN, xã TT, huyện VG, tỉnh HY đi xe mô tô nhãn hiệu Future màu đen (không nhớ biển số) đến chơi tại vườn cây của anh Nguyễn Văn H ở thôn PT, xã TT thì gặp Nguyễn Xuân C thường trú tại Ấp ĐP, xã TT đang uống nước ở đó. Do trước đó V thấy nhiều tấm tôn Panel của anh Phạm Xuân T thường trú tại thôn SĐ, xã LH, huyện VG để tại Công ty Phúc Thịnh địa chỉ ở cùng thôn SĐ, xã LH; nên đến khoảng 2 giờ ngày 05/01/2021 V rủ C đi lấy trộm các tấm tôn Panel nói trên. C đồng ý rồi cùng V đi sang tìm gặp Nguyễn Văn H tại vườn cây của ông N (bên cạnh vườn cây của anh H). Chiều mượn H xe mô tô DETECH biển số 89H2-9161, V mượn Hoàng xe thùng kéo buộc vào sau xe mô tô của V, rồi cả hai đi đến Công ty Phúc Thịnh. V điều khiển xe đến gần nơi đặt các tấm tôn nói trên ở trong sân Công ty Phúc Thịnh, còn C để xe ở ngoài và đi bộ vào trong cùng V tháo thùng xe kéo ra và cả hai khiêng các tấm tôn đưa lên thùng xe kéo nhưng không thực hiện được do các tấm tôn quá nặng. V bảo với C về gọi H, rồi cả V và C đi 2 xe mô tô về vườn của nhà ông N, C vào rủ H đi bê giúp các tấm tôn H đồng ý. V đi xe của V, còn C đi xe của H chở H đến Công ty Phúc Thịnh. Khi đến nơi, H hỏi “tấm tôn nào thế”, V nói “tấm tôn ăn trộm”, H cũng không nói gì và đồng ý giữ thùng xe kéo để V cùng C mỗi người bê một đầu của các tấm tôn Panel gồm: 04 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2m, rộng 1m, dày 6cm; 06 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 5,1m, rộng 1m, dày 6cm; 8 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2,5m, rộng 1m, dày 6cm đặt lên thùng xe kéo. Sau đó V lắp thùng xe kéo vào sau xe mô tô của V, điều khiển xe đi về phía xã Tân Tiến; C đi xe của H chở H theo sau xe của V. Đến khu vực chùa thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng thì V đổi xe cho C, V đi xe của H chở H, C đi xe của V kéo theo xe kéo có tấm tôn đi về một khu đất trống phía sau quán sửa chữa xe máy của anh Chu Xuân D (là em trai của V) giáp khu vực cổng chùa thôn Kim Ngưu, xã Tân Tiến, V tháo thùng xe kéo ra khỏi xe mô tô rồi tất cả cùng nhau đẩy thùng xe kéo có các tấm tôn nói trên cất giấu ở sau quán của anh D. Sau đó, cả ba đi về vườn cây của ông N, H ở lại tiếp tục làm, V cùng C đi về nhà. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày thì C gọi điện thoại cho anh D nói là đã gửi thùng xe kéo có các tấm tôn nói trên ở phía sau quán. Sau khi sự việc xảy ra, anh T đã làm đơn trình báo với Công an xã Long Hưng và ngày 06/1/2021, Công an xã Long Hưng đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Sáng ngày 06/01/2021, C đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang tự thú, thành khẩn khai nhận đã cùng H và V thực hiện hành vi như nêu ở trên. Sau đó cùng ngày H đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đầu thú và giao

nộp chiếc xe mô tô biển số 89H2-9161 cho Cơ quan điều tra quản lý. Còn V bỏ trốn, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã ra quyết định truy nã đối với V.

Khi được biết tài sản mà C đã gửi là do trộm cắp mà có, nên anh Chu Xuân D đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang quản lý: 01 thùng xe kéo; 04 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2m, rộng 1m, dày 6cm; 06 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 5,1m, rộng 1m, dày 6cm; 08 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2,5m, rộng 1m, dày 6cm; 2 đoạn dây cáp nhựa màu vàng mỗi đoạn dài 5m, rộng 2cm, dày 0,2cm; 01 tấm nilon màu trắng dài 7m, rộng 4m.

Đến ngày 26/01/2021, Chu Tiến V bị bắt theo quyết định truy nã, cùng ngày, bố của H là ông Nguyễn Văn H cũng giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang 01 đăng ký xe biển số 89H2-9161 mang tên Nguyễn Đức T thường trú tại thôn Khúc Lộng, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/BKL-ĐGTS ngày 09/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận: 04 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2m, rộng 1m, dày 6cm trị giá 1.680.000đ; 06 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 5,1m, rộng 1m, dày 6cm trị giá 6.426.000đ; 08 tấm tôn Panel vách ngoài kích thước mỗi tấm dài 2,5m, rộng 1m, dày 6cm trị giá 4.200.000đ; 2 đoạn dây cáp nhựa màu vàng mỗi đoạn dài 5m, rộng 2cm, dày 0,2cm; 01 tấm nilon màu trắng dài 7m, rộng 4m đều có trị giá không đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSVC ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Văn Giang truy tố các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với bản Cáo trạng và bản Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Hồng A xác định chiếc xe mô tô DETECH biển số 89H2-9161 và chiếc xe thùng kéo là tài sản chung của chị và chồng là bị cáo Nguyễn Văn H, chị không biết các đối tượng sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại các tài sản trên cho vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử các bị cáo và quyền lợi của người bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do các bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện VKSND huyện Văn Giang đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V. Xử phạt bị cáo V từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân C. Xử phạt bị cáo C từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/5/2021. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/5/2021. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H cho UBND xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên và gia đình các bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Đào Hồng A 01 xe mô tô DETECH biển số 89H2-9191 và 01 đăng ký xe.

Truy thu của bị cáo V số tiền 500.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Phát mại chiếc xe thùng kéo, tịch thu $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại nộp ngân sách nhà nước, trả chị Đào Hồng A $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Xuân T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện Văn Giang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H; bị hại ông Phạm Xuân T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Hồng A và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra bị hại ông Phạm Xuân T, người làm chứng anh Chu Xuân D đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt của ông T, anh D tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo và quyền lợi của bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của chính các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng trong vụ án; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập như: Đơn trình báo của bị hại; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản.... Do đó HĐXX đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 2 giờ ngày 05/01/2021, tại Công ty Phúc Thịnh ở thôn Sở Đông, xã Long Hưng, Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt của ông Phạm Xuân T ở thôn Sở Đông, xã Long Hưng, huyện Văn Giang 18 tấm tôn Panel các loại có giá trị 12.306.000đ mang về cất giấu tại giáp khu vực cổng chùa thôn Kim Ngưu, xã Tân Tiến để bán lấy tiền chia nhau.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 12.306.000đ, nên hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Văn Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một khách thể của pháp luật hình sự, gây mất an ninh trật tự, tạo ra sự lo lắng, bức xúc trong việc bảo vệ tài sản của nhân dân. Các bị cáo để thỏa mãn nhu cầu cá nhân không lao động chân chính mà vi phạm pháp. Việc đưa các bị

cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần nghiêm trị đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân.

[4] Về vai trò của các bị cáo khi thực hiện tội phạm:

Trong vụ án này các bị cáo đã đồng phạm thực hiện tội phạm, việc đánh giá đúng vai trò, tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo là cần thiết. Đối với bị cáo V là người giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác; là người mượn xe kéo, trực tiếp đưa tài sản ra khỏi công ty nên giữ vai trò tích cực nhất khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo C, bị cáo H sau khi tiếp nhận thông tin đã đồng ý cùng V thực hiện hành vi phạm tội, nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào vai trò của từng bị cáo khi thực hiện tội phạm để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo V và bị cáo H đã bị kết án, bị cáo V đã bị xử phạt hành chính, nhưng theo quy định của pháp luật đến thời điểm phạm tội lần này các bị cáo đã được xóa án và coi như chưa bị xử phạt hành chính. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai nhận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo C lần đầu thực hiện hành vi phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bổ đề bị cáo là ông Nguyễn Xuân C được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, bà nội bị cáo là bà Lê Thị D được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy:

Bị cáo V là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo đã bị kết án, đã bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, kiếm sống bằng con đường lao động chân chính, tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang dù bị cáo đã được xóa án tích và coi như chưa bị xử phạt nhưng chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo; bị cáo là người có ít tình tiết giảm nhẹ nhất: 01 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo H đã bị kết án đã được xóa án tích, nhưng lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ: 01 tình tiết thuộc khoản 1; 02 tình tiết thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị cáo C có vai trò như bị cáo H nhưng bị cáo vi phạm pháp luật lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ: 03 tình tiết thuộc khoản 1; 1 tình tiết thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H và bị cáo C đều có nơi cư trú rõ ràng; không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo nên việc bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam là không cần thiết, mà cho các bị cáo một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, trước khi bị bắt không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Anh Chu Xuân D không biết các tấm tôn Panel mà C đã gửi là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh D là đúng pháp luật.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Phạm Xuân T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Chiếc xe mô tô DETECH biển số 89H2-9191(kèm giấy đăng ký xe) và chiếc xe thùng kéo xác định là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Đào Hồng A, chị A có nguyện vọng xin lại. Xét thấy Chiếc xe mô tô DETECH biển số 89H2-9191 không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho chị A là đồng sở hữu cùng 01 giấy đăng ký xe. Chiếc xe thùng kéo các bị cáo sử dụng để chở các tấm tôn đã trộm cắp nên có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do chị A không biết việc các bị cáo sử dụng xe để phạm tội nên sẽ phát mại chiếc xe số tiền thu được $\frac{1}{2}$ nộp vào ngân sách nhà nước, $\frac{1}{2}$ trả chị A.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future (không rõ đặc điểm) bị cáo V sử dụng làm công cụ, phương tiện đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bán cho một cửa hàng thu mua sắt vụn ở khu vực huyện Khoái Châu (không nhớ vị trí cụ thể) được số tiền 500.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết. Do vậy, cần truy thu số tiền 500.000đ trên của bị cáo V, nộp ngân sách Nhà nước.

Chiếc điện thoại C dùng để gọi điện cho anh D vào sáng ngày 06/1/2021, C đã làm rơi mất (không rõ vị trí cụ thể), nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điểm a khoản 1 điều 46; điểm a,b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 328; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

- Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V;

- Điểm i, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C;

- Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

[2]. Tuyên bố: Các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[3]. Xử phạt:

Bị cáo Chu Tiến V 01(một) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/01/2021.

Bị cáo Nguyễn Xuân H 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/5/2021. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Bị cáo Nguyễn Xuân C 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01(một) năm 06 (sáu) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/5/2021. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H cho UBND xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên và gia đình các bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Trả lại chị Đào Hồng A 01 xe mô tô biển nhãn hiệu DETECH, màu sơn xanh, biển số 89H2-9161 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Đức T;

Phát mại 01 chiếc xe thùng kéo màu xanh, kích thước (1,4 x 0,83 x 0,4)m. Số tiền thu được: tịch thu $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại nộp ngân sách nhà nước, trả chị Đào Hồng A $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang ngày 07/5/2021) .

Truy thu của bị cáo Chu Tiến V số tiền 500.000đ sung ngân sách nhà nước.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Chu Tiến V, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Văn H, mỗi người phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm .

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Vũ Thu Giang